

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT**

Trình độ đào tạo: Đại học
Tên ngành đào tạo: Luật
Mã ngành: 7380101
Hình thức đào tạo: Đào tạo từ xa
Loại hình đào tạo: Đại trà
Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT

(Ban hành theo Quyết định số 647/2024/QĐ-TUETECH ngày 29/8/2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

Ngành đào tạo:	Luật -7380101
Chuyên ngành:	Luật
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên
Đơn vị đào tạo:	Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên
Tên văn bằng:	Cử nhân Luật
Trình độ đào tạo:	Đại học
Hình thức đào tạo:	Đào tạo từ xa
Loại hình đào tạo:	Đại trà
Thời gian đào tạo:	4.5 năm
Tên khoa thực hiện chương trình:	Khoa Luật và Du lịch
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. MỤC TIÊU

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện, đáp ứng:

PO1: Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức nghề nghiệp, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có thể giới quan, nhân sinh quan rõ ràng, có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

PO3: Có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, biết giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Luật.

PO4: Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật có thể đảm nhiệm các công việc tại các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực Luật và tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước về Luật; các cơ quan nghiên cứu về Luật, có thể tham gia đào tạo liên quan đến lĩnh vực

Luật.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức:

PO5: Kiến thức giáo dục đại cương gồm kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật của chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật; kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ...

PO6: Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép sinh viên có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế.

1.2.2 Về kỹ năng thực hành:

PO7: Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

PO8: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

PO9: Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

PO10: Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

PO11: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.

PO12: Kỹ năng khởi nghiệp trong nghề luật.

PO13: Kỹ năng lập kế hoạch công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PO14: Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...

PO15: Kỹ năng làm việc nhóm.

PO16: Kỹ năng quản lý bản thân.

PO17: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng.

PO18: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản.

1.2.3 Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm

PO19: Hiểu biết và có trách nhiệm: chấp hành đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân.

PO20: Phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia.

PO21: Trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị.

PO22: Dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro.

PO23: Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn.

PO24: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

PO25: Trình độ tin học ngoại ngữ đáp ứng quy định về chuẩn đầu ra của Nhà trường.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

Chuẩn đầu ra ngành Luật của Trường đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên được cụ thể thành 25 tiêu chí và mã hóa như sau :

Mã số	Nội dung chuẩn đầu ra
2.1. Chuẩn về kiến thức	
CĐR1	Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.
CĐR2	Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.
CĐR3	Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.
CĐR4	Có trình độ tin học văn phòng tương đương với trình độ A
CĐR5	Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
CĐR6	Giải thích được các kiến thức cơ bản về Luật và các vấn đề liên quan.
CĐR7	Áp dụng được kiến thức cơ bản kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật
CĐR8	Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật
CĐR9	Hiểu biết kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật nói chung
CĐR10	Hiểu biết kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản

CĐR11	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế và
CĐR12	Áp dụng kiến thức Luật để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.
2.2. Chuẩn về kỹ năng	
CĐR13	Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.
CĐR14	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.
CĐR15	Kỹ năng phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.
CĐR16	Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.
CĐR17	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm
CĐR18	Kỹ năng khởi nghiệp trong nghề luật..
CĐR19	Kỹ năng lập kế hoạch công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.
CĐR20	Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...
CĐR21	Làm việc nhóm, tổ chức công việc
2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR22	Phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân
CĐR23	Tuân thủ nội quy, quy định pháp luật
CĐR24	Có trách nhiệm cao với công việc
CĐR25	Có trách nhiệm tốt với tập thể và xã hội

2.4 Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Thực hiện pháp luật: tham gia các hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Văn phòng Thừa

phát lại và các cơ quan tư pháp khác; tham gia các công việc có liên quan đến pháp lý, pháp chế tại các cơ quan thông tấn, truyền thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước và tư nhân khác.

- Tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật
- Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ ...) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 TC. Trong đó :

- Khối kiến thức giáo dục đại cương : 36 TC
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 78 TC, bao gồm:
 - + Khối kiến thức chung nhóm ngành: 12 TC
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành: 44 TC
 - + Khối kiến thức chuyên ngành : 14 TC
 - + Thực tập tốt nghiệp: 08 TC
- Đồ án tốt nghiệp: 08 TC

Khối lượng kiến thức toàn khóa 125 TC trên chưa tính thời gian ngoại khóa, sinh viên tham gia tham quan, tìm hiểu về chuyên môn tại các cơ quan, văn phòng luật, văn phòng công chứng...

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường. Các đối tượng tuyển sinh bao gồm :

- Học viên có bằng tốt trung học phổ thông.
- Phạm vi tuyển sinh: trên phạm vi cả nước và nước ngoài.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Quy trình đào tạo:

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa học và năm học. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ tối thiểu 15 tuần, được chia thành 02 đợt học.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Điều 24, Chương IV tại Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 538/2024/QĐ-TUETECH ngày 7/8/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

- Đạt trình độ tiếng Anh, trình độ Tin học theo quy định hiện hành.

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP, ĐÁNH GIÁ

6.1 Các phương pháp giảng dạy

Lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành thực nghiệm... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

Phương pháp, hình thức tổ	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Dạy theo nhóm	Cung cấp cho sinh viên cách thức học tập của nhóm người có sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ với nhau để cùng nhận dạng, phân tích và luận giải các vấn đề học tập đặt ra, từ đó lĩnh hội, củng cố và mở rộng kiến thức đã được học và vận dụng chúng trong quá trình thi - kiểm tra đạt kết quả cao
Mô phỏng	Cung cấp cho sinh viên cách thức đặt mình vào bối cảnh phải đưa ra quyết định hoặc cách thức đề giải quyết một vấn đề có trong tình huống
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Thao tác mẫu	Giúp sinh viên hiểu rõ và có kỹ năng lắp đặt thiết bị trong các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu

6.2 Các phương pháp học tập

Học tập chủ động, kết hợp học lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động thảo luận, làm bài tập, thực hành, thực nghiệm, tham quan, tìm hiểu thực tiễn... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Phương pháp học tập	Mục đích
Lên lớp nghe giảng	Tiếp thu những kiến thức cốt lõi
Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, bổ sung các kiến thức
Tham quan, tìm hiểu thực tế, thực hành, thực tập	Nâng cao kiến thức thực tế và kỹ năng nghề nghiệp

6.3 Các phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.3.1 Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

6.3.2 Cách thức đánh giá học phần

6.3.1.1 Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận)

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
 - + Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.
 - + Số lần kiểm tra định kỳ: quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- + Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:
- + Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

- Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

- Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

- + Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính : 8 điểm.

- + Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

- + Nghỉ học từ 20% đến 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

- + Nghỉ học từ 30% đến 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

- + Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

- Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.

- Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào khi kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

6.3.1.2 Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

- Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

- Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

3. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B+ (7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
	B (7,0 - 7,7)	Khá
	C+ (6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C (5,5 - 6,2)	Trung bình
	D+ (4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
Loại không đạt đạt	D (4,0 - 4,7)	Yếu
	F+ (3,0 - 3,9)	Kém
	F (0,0 - 2,9)	Rất Kém

6.3.1.3. Đối với học phần Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án tốt nghiệp

- Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

- Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 538/2024/QĐ-TUETECH ngày 7/8/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F+, F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 TC. Trong đó :

- Khối kiến thức giáo dục đại cương : 36 TC
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 78 TC, bao gồm:
 - + Khối kiến thức chung nhóm ngành: 12 TC
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành: 44 TC
 - + Khối kiến thức chuyên ngành : 14 TC
 - + Thực tập tốt nghiệp: 08 TC
- Đồ án tốt nghiệp: 08 TC

Cụ thể như sau:

STT	Tên học phần	Tín chỉ	Khối lượng kiến thức (Tổng, LT, TH, Tự học)
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	39	
A	Lý luận chính trị	11	
1	Triết học Mác-Lênin	3	(45,33,12,90)
2	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2	(30,24,12,60)
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	(30,24,12,60)
4	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	(30,24,12,60)
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	(30,24,12,60)
B	Ngoại ngữ -Tin học	13	
6	Tiếng Anh 1	3	(45,33,12,90)
7	Tiếng Anh 2	3	(45,33,12,90)
8	Tiếng Anh 3	4	(60,45,30,120)
9	Tin học đại cương	3	(45,33,12,90)
C	Khoa học xã hội, tự nhiên	15	
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	(45,33,12,90)
11	Phương pháp NCKH	2	(30,24,12,60)
12	Logic học đại cương	3	(45,33,12,90)
13	Xã hội học đại cương	2	(30,24,12,60)
14	Tâm lý học đại cương	2	(30,24,12,60)
15	Môi trường và phát triển bền vững	3	45,33,12,90)
II.	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	78	
A	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	12	
16	Lý luận Nhà nước và pháp luật	4	(45,33,12,90)
17	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	(30,24,12,60)
18	Chuyển đổi số và CM 4.0	2	(30,24,12,60)
19	Các học thuyết nhà nước và pháp luật trên thế giới	2	(30,24,12,60)
20	Văn bản pháp luật và kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật	2	(30,24,12,60)

B	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i>	44	
21	Luật Hiến pháp	3	(45,33,12,90)
22	Luật Hành chính	3	(45,33,12,90)
23	Luật Dân sự	3	(45,33,12,90)
24	Luật Tổ tụng dân sự	3	(45,33,12,90)
25	Luật Hôn nhân và gia đình	3	(45,33,12,90)
26	Luật Tổ tụng hình sự	3	(45,33,12,90)
27	Luật Thương mại 1	3	(45,33,12,90)
28	Luật Thương mại 2	2	(30,24,12,60)
29	Luật Hình sự 1	3	(45,33,12,90)
30	Luật Hình sự 2	2	(30,24,12,60)
31	Luật Đất đai	3	(45,33,12,90)
32	Luật Lao động	3	(45,33,12,90)
33	Luật Tài chính	2	(30,24,12,60)
34	Luật Quốc tế	3	(45,33,12,90)
35	Luật Ngân hàng	3	(45,33,12,90)
36	Luật môi trường	2	(30,24,12,60)
C	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	14	
37	Soạn thảo hợp đồng dân sự	2	(30,24,12,60)
38	Chứng minh trong tố tụng dân sự	2	(30,24,12,60)
39	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự, hành chính	2	(30,24,12,60)
40	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2	(30,24,12,60)
41	Thủ tục hành chính	3	(45,33,12,90)
42	Luật Tổ tụng hành chính	3	(45,33,12,90)
D	<i>Thực tế, thực tập</i>	8	
43	Thực hành nghề nghiệp 1	2	2 tuần
44	Thực hành nghề nghiệp 2	2	2 tuần
45	Thực tập tốt nghiệp	4	4 tuần
III	TỐT NGHIỆP	8	
46	Chuyên đề Hiến pháp - Hành chính nâng cao	4	(60,45,30,120)
47	Chuyên đề pháp luật về cộng đồng ASEAN	4	(60,45,30,120)
	Tổng I+II+III	125	

8. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học Mác- Lênin (3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: **(45,33,12,90)**

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: **(30,24,12,60)**

Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm các nội dung sau: Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường; Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước; Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay; Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: **(30,24,12,60)**

Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm các nội dung sau: Vị trí học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học; phạm vi và đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học; chức năng và ý nghĩa học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học; Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. Nội dung và điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Vai trò của Đảng cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam; Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cải cách nhà nước trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay; Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Dân tộc và hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay; Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Vấn đề tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay; Gia đình, mối quan hệ gia đình và xã hội. Những điều kiện và tiền đề xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: **(30,24,12,60)**

Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm trong nội dung 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại. Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản

hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: **(30,24,12,60)**

Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nội dung gồm 7 chương: chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2TC)

Phân bố thời gian học tập: (45,33,12,90)

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm và ngữ pháp cơ bản liên quan tới 1 số chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

7. Tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 3TC)

Phân bố thời gian học tập: (45,33,12,90)

Môn học trước: Tiếng Anh 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2.

8. Tiếng Anh 3 (tiếng Anh chuyên ngành) (3 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2

Tóm tắt nội dung học phần: trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực pháp luật. Nội dung môn học tập trung vào các chủ đề pháp lý cơ bản như hệ thống pháp luật, các ngành luật chủ yếu (luật dân sự, hình sự, thương mại, quốc tế...), thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc và phong cách ngôn

ngữ trong văn bản pháp luật. Bên cạnh việc đọc – hiểu tài liệu, hợp đồng, án lệ bằng tiếng Anh, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, viết trong các tình huống pháp lý như thảo luận, tranh luận, soạn thảo hợp đồng, thư tín pháp lý hay chuẩn bị hồ sơ vụ án. Học phần giúp người học phát triển năng lực ngoại ngữ gắn với nghề nghiệp, phục vụ công việc nghiên cứu, tư vấn, đàm phán và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực luật học.

9. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: (45,33,12,90)

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint & Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các học phần khác cũng như cho việc đi làm sau này.

10. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: (30,24,12,60)

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa; các thành tố văn hóa; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: (30,24,12,60)

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 8 chương, cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học, về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học,...

12. Logic học đại cương (Số tín chỉ 3TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị những kiến thức cơ bản về logic học hình thức, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học hình thức, các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong phát triển tư duy.

13.Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: (30,24,12,60)

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về các lĩnh vực quan trọng của xã hội học như: con người và xã hội, cấu trúc xã hội, văn hoá và biến đổi xã hội.

14.Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: (30,24,12,60)

Học phần học trước: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 2 phần: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm; Tâm lý học đại cương đề cập đến các hiện tượng tâm lý chung nhất của con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý đó. Đồng thời tâm lý học đại cương cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các chuyên ngành của khoa học tâm lý cũng như các môn học có liên quan. Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm cung cấp các quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em, các cơ chế, các đặc điểm của sự phát triển tâm lý trong các độ tuổi khác nhau cũng như các quy luật tâm lý chi phối quá trình dạy học và giáo dục

15. Môi trường và phát triển bền vững (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp và trình bày các kiến thức về sự phát triển của con người gắn liền với sự tác động vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con người; đồng thời giới thiệu các khái niệm về sinh thái, tài nguyên, môi trường. Sinh viên cũng được giới thiệu các biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên mà đỉnh cao của nó là phát triển bền vững – một sự kết hợp hài hòa và tối ưu cho sự phát triển của con người trong khi vẫn bảo vệ được môi trường tự nhiên và xã hội.

16. Lý luận Nhà nước và pháp luật (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Không

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là môn học nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra, Lý luận Nhà nước về Pháp luật cũng nghiên

cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là môn học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

17. Lịch sử nhà nước và pháp luật (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học lịch sử nhà nước và pháp luật gồm 2 phần: Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam: nghiên cứu những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trang bị cho người học một cách toàn diện về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam nhằm góp phần hoạch định đường lối, chính sách trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

18. Chuyển đổi số và CM 4.0 (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

Tóm tắt nội dung học phần: trang bị cho sinh viên ngành Luật những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để thích ứng với bối cảnh số hóa trong hoạt động pháp lý và quản trị xã hội. Nội dung học phần tập trung vào việc giới thiệu bản chất, đặc trưng và xu thế phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT); tác động của chuyển đổi số đến hoạt động kinh tế, quản lý nhà nước và lĩnh vực pháp luật. Sinh viên được rèn luyện tư duy pháp lý trong môi trường số, tìm hiểu khung pháp lý về thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ trong môi trường số, cũng như vai trò của luật sư và cán bộ pháp lý trong việc ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả công việc. Học phần còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng tra cứu, xử lý thông tin và ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu, soạn thảo văn bản, quản lý và giải quyết vụ việc pháp lý.

19. Các học thuyết nhà nước và pháp luật trên thế giới (2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần “Các học thuyết nhà nước và pháp luật trên

thế giới” cung cấp cho sinh viên cái nhìn hệ thống về sự hình thành và phát triển của tư tưởng pháp lý – chính trị từ cổ đại đến hiện đại. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những học thuyết lớn về nhà nước và pháp luật của các trường phái tiêu biểu như Hy – La cổ đại, Nho gia và Pháp gia phương Đông, học thuyết pháp luật tự nhiên, học thuyết khế ước xã hội, chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng như các trường phái pháp luật hiện đại (chủ nghĩa thực chứng pháp luật, chủ nghĩa pháp quyền, học thuyết đa nguyên...). Qua đó, sinh viên được trang bị cơ sở lý luận để lý giải nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của nhà nước và pháp luật trong xã hội; đồng thời biết so sánh, đánh giá các tư tưởng khác nhau nhằm vận dụng phù hợp vào nghiên cứu và thực tiễn xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

20. Văn bản pháp luật và kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật Hành chính.

Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò và hệ thống các loại văn bản quy phạm pháp luật trong đời sống pháp lý – xã hội; đồng thời trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hành soạn thảo văn bản pháp luật theo đúng quy định về thể thức, ngôn ngữ, kỹ thuật lập pháp và yêu cầu pháp lý. Nội dung học phần tập trung vào nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản pháp luật; quy trình soạn thảo, thẩm định, ban hành và kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản; cũng như những lỗi thường gặp và cách khắc phục trong kỹ thuật lập pháp. Qua đó, sinh viên được rèn luyện năng lực vận dụng pháp luật vào thực tiễn, phát triển kỹ năng viết, lập luận, và tư duy pháp lý chặt chẽ để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau này.

21. Luật Hiến pháp (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; quyền con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ chế bảo vệ các quyền và nghĩa vụ cơ bản, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

22. Luật Hành chính (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần

Luật hành chính cung cấp kiến thức cơ bản sau: Một số vấn đề chung của Luật hành chính: đặc điểm quản lý hành chính nhà nước, các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước, các hình thức quản lý, đối tượng điều chỉnh của luật hành chính, phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; Chủ thể Luật hành chính Việt Nam (Cơ quan HCNN, cán bộ, công chức nhà nước, tổ chức xã hội, cá nhân); Trách nhiệm hành chính: vi phạm hành chính, các hình thức xử phạt hành chính.

23. Luật Dân sự (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật dân sự Việt Nam; hệ thống luật dân sự Việt Nam; phân biệt Luật dân sự với các ngành luật khác, khoa học luật dân sự, quan hệ pháp luật dân sự, chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự, thời hạn, thời hiệu.

24. Luật Tố tụng dân sự (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Luật hình sự.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và minh chứng trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự, truy xét, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, thi hành bản án và quyết định của tòa án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, thủ tục đặc biệt, thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên và thủ tục rút gọn

25. Luật Hôn nhân và gia đình (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp

luật, Luật dân sự.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên trang bị các kiến thức về luật hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, sự phát triển của luật hôn nhân gia đình, các chế định của hôn nhân và quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

26. Luật Tố tụng hình sự (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Luật hình sự.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ và minh chứng trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự, truy xét, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, thi hành bản án và quyết định của tòa án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, thủ tục đặc biệt, thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên và thủ tục rút gọn

27. Luật Thương mại 1 (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; Các hoạt động thương mại cụ thể; Quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; Các chế tài trong hoạt động thương mại

28. Luật Thương mại 2 Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Luật thương mại 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các hoạt động thương mại cụ thể theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nội dung bao gồm: Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại; quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, các điều kiện giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng; Các dịch vụ trung gian thương mại như đại lý, môi giới, uỷ thác, đại diện cho thương

nhân; Các hoạt động thương mại đặc thù: khuyến mại, quảng cáo, logistics, đấu giá, đấu thầu, nhượng quyền thương mại; Các chế tài áp dụng trong trường hợp vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại.

Học phần giúp sinh viên nắm vững quy định pháp luật thương mại, rèn luyện kỹ năng phân tích, vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống thực tiễn.

29. Luật Hình sự 1 (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Lý luận Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức; khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, tội phạm, cấu thành tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, vấn đề đồng phạm và các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

30. Luật Hình sự 2 Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Luật hình sự 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên tiếp tục mở rộng và làm sâu kiến thức về các lĩnh vực tội phạm cụ thể cũng như các cơ chế xử lý tội phạm theo Bộ luật Hình sự hiện hành của Việt Nam. Nội dung chính gồm: Các tội phạm cụ thể: Tội gây thương tích; tội cố ý gây thương tích hoặc tội vô ý gây thương tích; tội xâm phạm tính mạng con người; tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm; tội chiếm đoạt tài sản, trộm cắp, cướp giật, cướp; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội tham ô, nhận hối lộ; các tội liên quan đến chức vụ; tội về ma túy; tội về môi trường; tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên quốc gia...; Hình phạt và các biện pháp tư pháp: Các loại hình phạt (phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình – nếu có), hình phạt bổ sung, biện pháp cưỡng chế và biện pháp thay thế; miễn, giảm trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; các tình tiết hoàn lương; Chế độ xử lý người phạm tội đặc biệt: Tội phạm của người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực trách nhiệm hình sự; người có bệnh tâm thần hoặc khi có dấu hiệu mất khả năng nhận thức / điều khiển hành vi; các trường hợp chuyển hoá trách nhiệm hình sự; Trách nhiệm bồi thường, phục hồi đối với người bị hại; việc xử lý vật chứng, tang vật, chi phí điều tra; các thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp trong điều tra, truy tố, xét xử;

quyền của bị cáo, bị hại, nhân chứng trong tố tụng hình sự (liên quan chặt với học phần tố tụng); Các vấn đề liên quan đến phân tích lập khung hình phạt, quyết định hình phạt trong thực tế, so sánh giữa các tội phạm về mức độ nguy hiểm cho xã hội; xem xét vai trò của chính sách hình sự; các biện pháp phòng, chống tội phạm và hậu quả xã hội của tội phạm.

31. Luật Đất đai (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Luật dân sự

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: Tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai, khái niệm, nguyên tắc cơ bản của Luật đất đai, nội dung quản lý nhà nước về đất đai, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng đất, đặc biệt là các quyền giao dịch và các nghĩa vụ tài chính, chủ thể và hình thức sử dụng đất, tranh chấp đất đai và khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

32. Luật Lao động (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Luật dân sự

Tóm tắt nội dung học phần: Giúp sinh viên hiểu rõ Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường, cụ thể: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật lao động Những nguyên tắc của ngành luật; Sơ lược về lịch sử Luật lao động Việt Nam từ cách mạng tháng 8 đến nay Quan hệ pháp luật lao động; Giới thiệu khái quát về các chế định cơ bản của Luật lao động.

33. Luật Tài chính (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước : Luật hiến pháp, Luật dân sự

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận về lĩnh vực tài chính nói chung và tài chính công nói riêng và các qui định pháp luật về tạo lập, sử dụng, phân phối quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực ngân sách nhà nước, các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, cá nhân với nhà nước. Sinh viên nắm bắt được những qui định của pháp luật tài chính để có thể đưa ra những quyết định liên quan đến lĩnh vực tài chính đúng pháp luật.

34. Luật Quốc tế (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Các môn cơ bản

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ - biên giới quốc gia; Trách nhiệm pháp lý quốc tế.

35. Luật Ngân hàng (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước : Các môn cơ bản

Tóm tắt nội dung học phần: Luật ngân cung cấp những kiến thức cơ bản về quy định pháp lý liên quan đến các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng, tài chính, thị trường chứng khoán.

36. Luật môi trường (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự

Tóm tắt nội dung học phần: Một số khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường ... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật về môi trường và thấy được mối quan hệ khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường. Giới thiệu cho sinh viên những quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế về môi trường, trang bị cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm văn bản pháp luật về môi trường.

37. Soạn thảo hợp đồng dân sự (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong việc xây dựng, phân tích và hoàn thiện hợp đồng dân sự theo quy định pháp luật. Nội dung học phần tập trung vào khái niệm, đặc điểm, hình thức và phân loại hợp đồng dân sự; quy trình giao kết và kỹ năng đàm phán hợp đồng; cấu trúc và các điều khoản cơ bản trong hợp đồng; kỹ năng soạn thảo, rà soát, sửa đổi, bổ sung hợp đồng; các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, phòng ngừa rủi ro pháp lý và phương thức giải quyết tranh chấp. Thông qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật để soạn thảo và quản lý hợp đồng dân sự một cách hiệu quả trong thực tiễn.

38. Chứng minh trong tố tụng dân sự (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Luật Dân sự, Luật Tố tụng Dân sự, Lý luận Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động chứng minh trong giải quyết vụ án dân sự theo Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nội dung chính gồm: khái niệm chứng minh, chứng cứ và bản chất hoạt động chứng minh; chủ thể chứng minh (đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền lợi, Tòa án, Viện kiểm sát khi có kháng nghị...) cùng quyền – nghĩa vụ của họ trong việc thu thập, cung cấp, giao nộp chứng cứ; định nghĩa các tình tiết, sự kiện cần chứng minh và những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; các phương tiện chứng minh (lời khai đương sự, lời khai người làm chứng, tài liệu, vật chứng, giám định, thẩm định tại chỗ...), và quá trình chứng minh từ thu thập → kiểm tra, đánh giá chứng cứ để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ việc dân sự, đảm bảo giải quyết vụ án công bằng, đúng pháp luật.

39. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự, hành chính (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước: Luật Tố tụng Dân sự, Luật Dân sự, Luật Hành chính, Luật Tố tụng Hành chính

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên phát triển năng lực phân tích, tổng hợp và đánh giá toàn diện các thành phần hồ sơ vụ án dân sự và hành chính, từ đơn khởi kiện/đơn yêu cầu hành chính, tài liệu chứng cứ, lời khai đương sự, giấy tờ tố tụng, quyết định tố tụng, biên bản giám định, bản án/ quyết định, tới các văn bản liên quan khác. Sinh viên sẽ học cách xác định chính xác các chủ thể tố tụng, quan hệ tranh chấp pháp luật, phạm vi yêu cầu của đương sự, các chứng cứ đã có và cần bổ sung, đánh giá tính hợp pháp, tính xác thực và giá trị chứng minh của chứng cứ, cách thức sắp xếp hồ sơ và phát hiện mâu thuẫn trong các tài liệu. Kỹ năng này đặc biệt quan trọng để chuẩn bị cho phiên xét xử, lập luận, bảo vệ quyền lợi, cũng như để Tòa án hoặc các bên tố tụng có căn cứ đúng đắn khi đưa ra quyết định.

40. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 30 (24,12,60)

Học phần học trước : Lý luận Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm: Khái niệm và đặc điểm tranh chấp

thương mại; Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại; Nhận diện quan hệ tranh chấp; Các phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài và giải quyết bằng tòa án.

41. Thủ tục hành chính (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Luật Hành chính; Luật Tổ tụng Hành chính; Lý luận Nhà nước và Pháp luật

Tóm tắt nội dung học phần: trang bị cho sinh viên kiến thức sâu về quy định pháp luật liên quan đến trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan nhà nước. Nội dung gồm khái quát chung về thủ tục hành chính; các giai đoạn thiết yếu như khởi xướng, thẩm quyền giải quyết, thủ tục xét xử trong hành chính, ra quyết định hành chính, thi hành quyết định và khiếu nại, tố cáo; các nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính như tính công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện, kịp thời; kiểm soát và trách nhiệm của cơ quan, công chức trong thực hiện thủ tục; và những cải cách hành chính cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính.

42. Luật Tổ tụng hành chính (Số tín chỉ 3 TC)

Phân bố thời gian học tập: 45 (33,12,90)

Học phần học trước: Luật Hành chính, Luật Tổ tụng Hành chính phần cơ bản hoặc phần chung

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nắm và vận dụng hệ thống các quy định pháp luật điều chỉnh quá trình giải quyết vụ án hành chính, đảm bảo quyền, nghĩa vụ và thủ tục tố tụng công bằng, đúng pháp luật. Nội dung bao gồm: khái quát chung về Luật Tổ tụng hành chính (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn luật, nhiệm vụ); các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính như tính công khai, tranh tụng, thẩm quyền xét xử; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh trong vụ án hành chính; thủ tục khởi kiện, thụ lý; giai đoạn chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm; phúc thẩm; giám đốc thẩm, tái thẩm; thủ tục thi hành bản án, quyết định hành chính của Tòa án.

43. Thực hành nghề nghiệp 1 (Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 2 tuần

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cho sinh viên ngành Luật giúp sinh viên tiếp

cận thực tế nghề nghiệp, áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học để rèn luyện kỹ năng của người làm công tác pháp lý. Nội dung học phần bao gồm các hoạt động như: tìm hiểu quy trình, thủ tục và công việc thực tế tại cơ quan hoặc tổ chức pháp luật; nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, văn bản luật, án lệ; soạn thảo văn bản pháp lý (đơn, công văn, kiến nghị, tờ trình, hợp đồng nếu phù hợp với nơi thực tập); tham dự phiên tòa, phiên họp xét xử, hoặc quy trình tổ tụng hành chính/dân sự; thực hiện các công việc hỗ trợ như photocopy hồ sơ, tổng đạt văn bản, kiểm tra tính hợp pháp của giấy tờ; quan sát và học hỏi cách vận hành của bộ máy tư pháp, cơ quan nhà nước trong thực thi pháp luật; nhận đánh giá và phản hồi từ người hướng dẫn để cải thiện kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề luật.

Đơn vị sinh viên ngành Luật có thể thực tập: Tòa án nhân dân các cấp; Viện Kiểm sát nhân dân; Cơ quan thi hành án dân sự; Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các cấp; Văn phòng luật sư, công ty luật; Doanh nghiệp có phòng pháp chế

44. Thực hành nghề nghiệp 2 Số tín chỉ 2 TC)

Phân bố thời gian học tập: 2 tuần

Tóm tắt nội dung học phần: giúp sinh viên mở rộng và làm sâu hơn kỹ năng thực tế nghề pháp lý so với Thực hành Nghề nghiệp 1, thông qua việc thực tập tại cơ quan, tổ chức có hoạt động pháp luật. Sinh viên sẽ được giao các công việc có tính chuyên môn cao hơn như: nghiên cứu hồ sơ, tài liệu pháp lý của vụ việc thực tế; tham gia soạn thảo các văn bản pháp luật, đơn kiện, đơn phản tố, hợp đồng, kiến nghị phân tích pháp lý; hỗ trợ thực hiện các thủ tục tố tụng hoặc hành chính nếu cơ quan có liên quan; quan sát và tham gia phiên tòa, phiên xử, hoặc các buổi hòa giải; thực hiện công việc pháp chế, kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản nội bộ, chính sách, quy chế tại cơ quan thực tập; đồng thời sinh viên phải tự đánh giá năng lực bản thân, rút ra những bài học từ thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực tập để hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp.

Đơn vị sinh viên ngành Luật có thể thực tập bao gồm: Văn phòng luật sư, công ty luật; Phòng pháp chế của doanh nghiệp; Tòa án nhân dân các cấp; Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Cơ quan thi hành án dân sự; UBND xã/phường, phòng tư pháp, phòng hộ tịch – tư pháp tại cấp xã, cấp huyện; Sở tư pháp, Sở kế hoạch & đầu tư hoặc các sở ngành có yêu cầu về pháp chế nội bộ...

45. Thực tập tốt nghiệp (Số tín chỉ 4 TC)

Phân bố thời gian học tập: 3 tuần

Học phần học trước: Đã học xong các học phần

Tóm tắt nội dung học phần: Tùy theo năng lực, sinh viên thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp như: công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã... hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế như sở công thương, sở kế hoạch đầu tư, sở tài nguyên môi trường... các cơ quan tố tụng, các văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng tư vấn pháp lý.

Nội dung thực tập tốt nghiệp cần tập trung đi vào thực tiễn những điểm sau:

Tìm hiểu tình hình chung về doanh nghiệp: Lịch sử hình thành doanh nghiệp; Hình thức sở hữu của doanh nghiệp; Lĩnh vực, ngành nghề hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp; Bộ máy tổ chức quản lý doanh nghiệp; Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Những chủ đề: Những nội dung cơ bản trong pháp luật dân sự như: tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ và hợp đồng, thừa kế, trách nhiệm bồi thường thiệt hại; Pháp luật về doanh nghiệp: quan hệ nội bộ doanh nghiệp - quản lý vốn, chuyển nhượng vốn, vấn đề hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý doanh nghiệp, những vấn đề liên quan đến tổ chức lại, chuyển đổi, mua lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp; Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và những giải pháp bảo hộ hiệu quả quyền sở hữu công nghiệp tại doanh nghiệp; Pháp luật về quản lý và sử dụng lao động tại doanh nghiệp; Pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại; Tố tụng tòa án và trọng tài thương mại; Luật thương mại năm 2005 - Các loại hành vi thương mại; Pháp luật về cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh; Pháp luật về quản lý nhà nước về kinh tế.

46. Chuyên đề Hiến pháp - Hành chính nâng cao (Số tín chỉ 4 TC)

Phân bố thời gian học tập: 60 (45,30,120)

Tóm tắt nội dung học phần: là môn thay thế đồ án tốt nghiệp, giúp sinh viên ngành Luật phát triển kiến thức và năng lực nghiên cứu, phân tích các vấn đề lớn trong luật Hiến pháp và luật Hành chính Việt Nam, đồng thời chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp. Trong học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu các vấn đề như sự hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; bản chất, chức năng và vai trò của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật; các nguyên tắc hiến định điều chỉnh quyền lực nhà nước; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trung ương và địa phương; vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền công dân và các chế định pháp luật hành chính nâng cao như tập quán hành chính, quản lý công sản, bồi thường nhà nước, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị; cũng như các động thái cải cách Hiến pháp-Hành chính trong bối cảnh mới như sửa đổi Hiến pháp, tổ chức lại chính quyền địa phương, hiện đại hóa hành chính, quản trị công. Ngoài việc học lý thuyết, học phần cũng yêu cầu sinh viên thực hiện nghiên cứu chuyên đề riêng biệt: chọn đề tài, tìm kiếm tài liệu chuyên sâu, phân tích so sánh, lập luận pháp lý và trình bày kết quả

nghiên cứu.

47. Chuyên đề pháp luật về cộng đồng ASEAN (Số tín chỉ 4 TC)

Phân bố thời gian học tập: 60 (45,30,120)

Tóm tắt nội dung học phần: là môn thay thế đồ án tốt nghiệp, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu các khía cạnh pháp lý của ASEAN và Cộng đồng ASEAN, đồng thời phát triển kỹ năng phân tích, so sánh, lập luận pháp luật quốc tế với thực tiễn Việt Nam. Nội dung học phần bao gồm: tìm hiểu lịch sử hình thành và cơ cấu tổ chức của ASEAN; nguyên tắc, mục đích, và các trụ cột hợp tác của Cộng đồng ASEAN (kinh tế, chính trị-an ninh, văn hóa-xã hội); các văn bản luật điều ước quốc tế, quy định pháp luật cộng đồng ASEAN, hiệp định thương mại hàng hóa, đầu tư, dịch vụ trong khối; cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN và hợp tác tư pháp, tương trợ quốc tế; vai trò và trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc thực thi các cam kết, cũng như những thách thức mà Việt Nam gặp phải khi hội nhập pháp luật ASEAN; phần chuyên đề yêu cầu sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu, tìm tài liệu chuyên sâu, phân tích so sánh giữa luật ASEAN và luật quốc gia, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong bối cảnh ASEAN hóa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện

Căn cứ chương trình toàn khóa và từng học kì, Phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch cho từng kì, từng năm và toàn khóa và tổ chức thực hiện. Toàn bộ chương trình được thực hiện trong thời gian 4.5 năm, mỗi năm học được chia thành 3 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết. Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng quy chế, quy định đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của quy chế Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

Đối với hệ cấp bằng cử nhân, Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4.5 năm gồm 9 học kỳ, trong đó 8 học kỳ tích lũy kiến thức và làm đồ án tốt nghiệp tại trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên và 01 học kỳ thực tập thực tế tại cơ sở liên kết (đủ điều kiện cấp chứng chỉ nghề nghiệp). Cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo phân kỳ như sau:

STT	Tên học phần	Tín chỉ	Phân kỳ								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9

I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	39									
A	Lý luận chính trị	11									
1	Triết học Mác-Lênin	3	x								
2	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2	x								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		x							
4	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2		x							
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			x						
B	Ngoại ngữ -Tin học	13									
6	Tiếng Anh 1	3	x								
7	Tiếng Anh 2	3	x								
8	Tiếng Anh 3	4		x							
9	Tin học đại cương	3	x								
C	Khoa học xã hội, tự nhiên	12									
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		x							
11	Phương pháp NCKH	2		x							
12	Logic học đại cương	3		x							
13	Xã hội học đại cương	2			x						
14	Tâm lý học đại cương	2			x						
15	Môi trường và phát triển bền vững	3			x						
II.	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	78									
A	<i>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</i>	12									
16	Lý luận Nhà nước và pháp luật	4			x						
17	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			x						
18	Chuyển đổi số và CM 4.0	2				x					
19	Các học thuyết nhà nước và pháp luật trên thế giới	2				x					
20	Văn bản pháp luật và kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật	2				x					
B	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i>	44									
21	Luật Hiến pháp	3				x					
22	Luật Hành chính	3				x					

23	Luật Dân sự	3				x					
24	Luật Tổ tụng dân sự	3					x				
25	Luật Hôn nhân và gia đình	3					x				
26	Luật Tổ tụng hình sự	3					x				
27	Luật Thương mại 1	3					x				
28	Luật Thương mại 2	2						x			
29	Luật Hình sự 1	3					x				
30	Luật Hình sự 2	2						x			
31	Luật Đất đai	3						x			
32	Luật Lao động	3						x			
33	Luật Tài chính	2						x			
34	Luật Quốc tế	3						x			
35	Luật Ngân hàng	3							x		
36	Luật môi trường	2							x		
C	Kiểm thức chuyên ngành	14									
37	Soạn thảo hợp đồng dân sự	2							x		
38	Chứng minh trong tố tụng dân sự	2							x		
39	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự, hành chính	2							x		
40	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2							x		
41	Thủ tục hành chính	3							x		
42	Luật Tổ tụng hành chính	3								x	
D	Thực tế, thực tập	8									
43	Thực hành nghề nghiệp 1	2								x	
44	Thực hành nghề nghiệp 2	2								x	
45	Thực tập tốt nghiệp	4								x	
III	TỐT NGHIỆP	8									
46	Chuyên đề Hiến pháp - Hành chính nâng cao	4									x
47	Chuyên đề pháp luật về cộng đồng ASEAN	4									x
	Tổng I+II+III	125	14	14	15	15	15	15	16	11	8

9.2. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa

Đối với hình thức đào tạo từ xa, Trường tổ chức đào tạo theo các phương thức đào tạo như sau:

Phương thức đào tạo trực tuyến: quá trình dạy và học được thực hiện chủ yếu qua mạng máy tính và viễn thông, trong đó học liệu chính là học liệu điện tử; việc tổ chức giảng dạy và học tập được thực hiện qua mạng máy tính với hình thức trực tuyến đồng bộ và trực tuyến không đồng bộ.

Phương thức đào tạo kết hợp: quá trình dạy và học được thực hiện chủ yếu qua thư tín với học liệu chủ yếu là học liệu in; kết hợp với phương thức đào tạo trực tuyến; tổ chức các đợt tập trung để hướng dẫn học tập, ôn tập và giải đáp thắc mắc.

9.3. Trách nhiệm của giáo viên và sinh viên

9.3.1 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch;

9.3.2 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận;

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người;

10. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

10.1. Cam kết công khai thông tin

- Toàn bộ hồ sơ của Đề án mở ngành, bao gồm: Đề án mở ngành, Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, Đề cương chi tiết các môn học ...

- Các thông tin về 03 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cũng như các thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường

Nhà trường sẽ công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://www.tuetech.edu.vn>.

10.2. Cam kết đảm bảo chất lượng

Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cam kết thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công khai minh bạch mọi thông tin trong quá trình hoạt động và đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo quyền lợi cho người học.

11 .THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH CTĐT

Thời điểm điều chỉnh: tháng 8 năm 2024

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Đăng Bình